TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Nữ tướng Phật Nguyệt - Khí phách anh hùng và ý nghĩa Phật giáo

ISSN: 2734-9195 16:30 19/10/2025

Theo tinh thần Phật giáo, hạnh Bồ Tát được ca ngợi qua tinh thần dấn thân, hy sinh, cứu độ chúng sinh. Ở một mức độ nào đó, Phật Nguyệt chính là hiện thân sống động của hạnh Bồ Tát trong lịch sử Việt Nam buổi đầu Công nguyên.

Đầu thế kỷ I sau Công nguyên, đất nước ta đang ở trong giai đoạn đầy biến động. Sau khi nhà Triệu sụp đổ, dân tộc Việt rơi vào ách đô hộ của phương Bắc. Nhà Hán, đặc biệt là thời Hán Quang Vũ Đế (25-57), thực hiện chính sách thôn tính và đồng hóa văn hóa sâu rộng, áp đặt bộ máy cai trị hà khắc.

Sử liệu cho biết, Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam trở thành quận huyện trực thuộc, nơi quan lại Hán đưa ra nhiều hình thức bóc lột, thuế khóa nặng nề, cùng những hành vi tàn bạo với nhân dân.

Trong bối cảnh đó, đời sống tinh thần của cư dân bản địa lại chứng kiến sự giao thoa đặc biệt. Bên cạnh tín ngưỡng bản địa thờ Mẫu, thờ các vị thần sông núi, hồn thiêng sông núi Lạc Việt, Phật giáo bắt đầu manh nha lan tỏa theo các tuyến giao thương đường biển từ Ấn Độ, Trung Hoa và khu vực Nam Á. Các **dấu tích khảo cổ tại Luy Lâu (Bắc Ninh)** cho thấy Phật giáo đã sớm có mặt và dần bén rễ trong tâm thức người dân như một ngọn đèn soi sáng hy vọng trong thời khổ nạn.

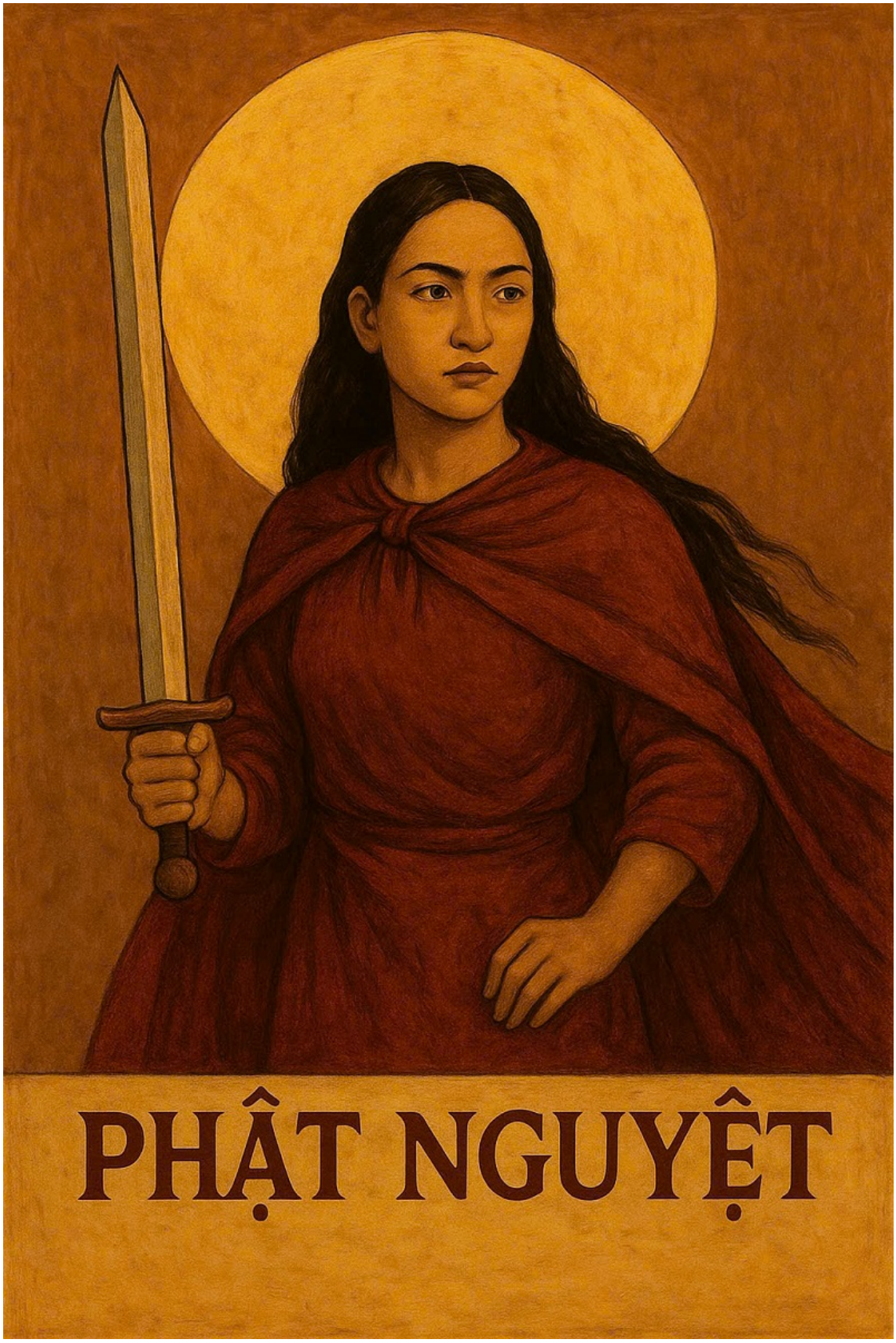

Hình minh họa tạo bởi AI

Trong dòng chảy ấy, nữ tướng Phật Nguyệt (23-43) xuất hiện. Tên gọi “Phật Nguyệt” vừa phản ánh sự gắn bó với niềm tin phật pháp, vừa gợi biểu tượng thiêng liêng của vầng trăng trí tuệ.

Bối cảnh và xuất thân

Theo cuốn ngọc phả “Trưng nữ vương triều công thần nhất vi âm phù, nhất vi đại vương Ngọc phả cổ lục” còn được lưu giữ ở làng Vũ Ẻn, Thanh Ba, Phú Thọ có ghi chép (theo thần tích) về thân thế và chiến công của vị nữ tướng này.

Ở làng Vũ Ẻn, Thanh Ba, Phú Thọ có hai vợ chồng ông Đinh Bôn và bà Phí Vang hành nghề bốc thuốc gia truyền. Năm 23 sau Công Nguyên, hai vợ chồng sinh được người con gái đặt tên là Đinh Phật Nguyệt, tên lót được ghép từ chữ đầu họ Đinh (□) của cha với chữ sau họ Phí (□) của mẹ mà thành chữ Phật (□).

Từ nhỏ, Phật Nguyệt đã được hun đúc tinh thần yêu nước, thấm nhuần đạo lý nhân nghĩa của tổ tiên, đồng thời sớm tiếp xúc với tư tưởng từ bi, bình đẳng của Phật giáo sơ kỳ. Điều này giải thích vì sao cuộc đời bà vừa gắn liền với sự nghiệp kháng chiến, vừa thấm đẫm ánh sáng của tinh thần vô úy trong phật pháp.

Khác với nhiều nữ nhân đồng thời, Phật Nguyệt được truyền dạy cả văn lẫn võ. Dân gian lưu truyền rằng bà không chỉ tinh thông kiếm pháp, cung nỏ, mà còn giỏi về mưu lược quân sự. Dân gian ghi nhận bà có sức khỏe phi thường, trí tuệ sáng suốt, được nhân dân kính trọng gọi là “Nữ kiệt”.

Chính sự kết hợp giữa trí - dũng - tâm ấy đã khiến Phật Nguyệt sớm trở thành chỗ dựa tinh thần cho nhân dân, đồng thời là nguồn động viên để các nữ tướng khác cùng noi gương.

Khía cạnh	Nội dung chi tiết	Ý nghĩa lịch sử - tinh thần
Quê quán	Làng Vũ Ên, Thanh Ba, Phú Thọ	Địa thế sông núi đã hun đúc tinh thần kiên cường, đồng thời tạo điều kiện cho bà sớm tiếp cận với nghệ thuật quân sự và đời sống cộng đồng nông - thủy hợp nhất.
Gia tộc - Dòng họ	Sinh trưởng trong một gia đình hào trưởng, có uy tín trong vùng; cha mẹ nổi tiếng là người nghĩa khí, nhân từ.	Xuất thân này bảo đảm cho Phật Nguyệt nền tảng ảnh hưởng xã hội, dễ dàng tập hợp lực lượng khi khởi nghĩa bùng nổ.
Giáo dục - Rèn luyện	Được rèn luyện võ nghệ, cưỡi ngựa, bơi thuyền và sử dụng binh khí từ nhỏ. Ngoài ra, bà còn được học chữ Hán Nôm sơ khai và giao tiếp rộng rãi với giới sĩ phu.	Vừa có trí - vừa có dũng; không chỉ là một nữ tướng võ biền, mà còn là người có tầm nhìn chiến lược, hiểu rõ phép trị quốc và nhân nghĩa.
Ảnh hưởng tín ngưỡng - Phật giáo	Sớm tiếp nhận tư tưởng từ bi, trí tuệ của Phật giáo sơ kỳ; thường được gọi với danh xưng "Phật Nguyệt" do gắn bó với tinh thần giác ngộ và lòng bi mẫn.	Tư tưởng Phật giáo đã trở thành nền tảng tinh thần, hun đúc lý tưởng đấu tranh không phải vì tư lợi cá nhân, mà vì sự giải thoát của dân tộc khỏi ách áp bức.
Danh hiệu - Biệt hiệu	Dân gian tương truyền: "Phật Nguyệt" - nghĩa là "vầng trăng của Phật", biểu tượng cho ánh sáng thanh tịnh, soi chiếu đêm dài u ám.	Thể hiện sự kết hợp giữa uy dũng và từ bi; đồng thời cho thấy hình ảnh nữ tướng cũng mang phẩm tính Bồ Tát: chiến đấu để cứu dân, giữ nước.
Tầm ảnh hưởng trước khởi nghĩa	Nổi danh trong vùng như một nữ hiệp, thường tổ chức đội ngũ bảo vệ dân làng, chống lại bọn cường hào và nhóm binh Hán quấy nhiễu.	Uy tín lan rộng khiến bà có khả năng chiêu mộ 2.000 binh sĩ tinh nhuệ khi gia nhập Hai Bà Trưng, trở thành lực lượng xung kích quan trọng.

Bảng tóm lược: Xuất thân và Nền tảng tinh thần của Nữ tướng Phật Nguyệt

(Lưu ý: Các thông tin trong bảng trên chủ yếu dựa theo ngọc phả làng Vũ Ẻn (Phú Thọ) và truyền thuyết dân gian, chưa được ghi nhận trong chính sử).

Gia nhập đội quân Hai Bà Trưng: Quyết chí khởi nghĩa, đánh giặc cứu nước

Đến năm 40, khi Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa tại Hát Môn (nay thuộc huyện Phúc Thọ, Hà Nội), khắp nơi hào kiệt hưởng ứng. Trong dòng chảy sục sôi ấy, Phật Nguyệt, vốn đã vang danh về tài thao lược, đức độ và chí khí quật cường lập tức quyết định đem hết sức mình phụng sự cho đại nghĩa. Bà không chỉ đi một mình, mà còn huy động được lực lượng hùng hậu gồm 2. 000 quân binh tinh nhuệ, phần lớn là những trai tráng dũng mãnh và những nữ chiến binh quả cảm từ quê hương và các vùng phụ cận.

Đội quân dưới sự chỉ huy của Phật Nguyệt được huấn luyện kỹ lưỡng, nổi bật về kỷ luật, chiến đấu thiện nghệ cả thủy chiến lẫn bộ chiến. Chính nhờ uy tín cá nhân, sự khéo léo trong rèn luyện, bà mới có thể tập hợp được một lực lượng lớn và vững mạnh đến vậy. Việc mang theo 2.000 binh sĩ không chỉ chứng minh tầm ảnh hưởng và khả năng lãnh đạo xuất sắc của Phật Nguyệt, mà còn góp phần đáng kể vào sức mạnh tổng thể của nghĩa quân Hai Bà Trưng.

(Ảnh: Internet)

Từ đó, Phật Nguyệt nhanh chóng trở thành một trong những nữ tướng trụ cột, thường xuyên dân gian kể rằng bà được giao nhiệm vụ chỉ huy các trận đánh quan trọng. Lực lượng của bà nhiều lần đóng vai trò xung kích, tạo thế áp đảo trong các trận giao tranh với quân Hán. Đây là minh chứng rõ rệt cho thấy cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng không phải chỉ dựa vào khí thế nhất thời, mà còn có sự

chuẩn bị chu đáo, sự tham gia của nhiều tướng lĩnh tài ba, trong đó Phật Nguyệt là một gương mặt tiêu biểu.

Có thể nói, sự xuất thân của Phật Nguyệt kết hợp giữa hai yếu tố:

+ Nền tảng gia đình và truyền thống văn võ Lạc Việt - hun đúc lòng yêu nước, ý chí bất khuất.

+ Ảnh hưởng sớm của tư tưởng Phật giáo - nuôi dưỡng lòng từ bi, ý thức nhân nghĩa, và đặc biệt là tinh thần vượt thoát sợ hãi trước sinh tử.

Chính sự hòa quyện này đã tạo nên một nhân cách lịch sử vừa mạnh mẽ, quyết liệt trên chiến trường, vừa sâu sắc, nhân bản trong tinh thần lãnh đạo.

Thành tựu, các trận chiến lớn và kết cục bi tráng

Ngay sau khi hưởng ứng khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 SCN), Phật Nguyệt đem theo khoảng 2.000 quân gia nhập nghĩa quân. Bà tương truyền được phong là Tả tướng thủy quân, phụ trách lực lượng thủy binh và trấn giữ vùng sông Thao, một trong những tuyến chiến lược quan trọng ngăn quân Hán tiến về đồng bằng (Lược sử Tộc Việt, Trí Thức VN, Phụ nữ Việt Nam).

Trận đánh ở sông Thao: Phật Nguyệt cùng thủy binh nhiều lần chặn đánh quân Hán trên sông Thao, bảo toàn lực lượng nghĩa quân và mở rộng địa bàn. Bà phối hợp cùng các nữ tướng khác tham gia việc chiếm lại 65 thành trì thuộc Giao Châu, mở rộng ảnh hưởng khởi nghĩa khắp cả vùng (Lược sử Tộc Việt, Dân Việt).

(Ảnh: Internet)

Truy kích Tô Định và tiến ra hồ Động Đình: Sau khi Hai Bà Trưng đánh đuổi Thái thú Tô Định, Phật Nguyệt dân gian kể rằng bà được giao nhiệm vụ truy kích đến tận vùng biên giới phía Bắc, tiến tới hồ Động Đình (Trung Quốc ngày nay). Tại đây, bà tương truyền bà được coi là tổng trấn giữ vùng đất biên viễn và trở thành nỗi khiếp sợ đối với quân Hán (Dân Việt, Phụ nữ Việt Nam).

Đại chiến tại hồ Động Đình: Năm 42-43, khi nhà Hán cử Mã Viện cùng Lưu Long đem đại quân sang đàn áp, Phật Nguyệt đã chỉ huy nhiều trận ác chiến tại hồ Động Đình. Truyền thuyết cho biết bà đã nhiều lần khiến quân Hán thảm bại, kể cả đội quân "nhị thập bát tú" nổi danh của Mã Viện. Hình ảnh bà được lưu truyền trong dân gian như "một tay nhổ núi Nga Mi, một tay nhổ núi Thái Sơn" để ca ngợi khí thế trận thắng vang dội (Trí Thức VN, Lược sử Tộc Việt).

Hy sinh anh dũng (theo truyền thuyết): Trong một trận chiến cuối cùng năm 43, nghĩa quân bị bao vây trên sông Thao. Phật Nguyệt tả xung hữu đột, rút quân thoát vây nhưng khi thấy đồng đội lần lượt ngã xuống, bà đã cưỡi ngựa lao xuống sông Thao tự vẫn vào ngày mồng 10 tháng 2 năm Quý Mão (43 SCN) (Dân Việt, Lược sử Tộc Việt).

Ghi công và thờ phụng trong dân gian: Nhiều làng ven sông Thao lập đền thờ bà, trong đó có làng Phượng Lĩnh (Phú Thọ) còn câu đối:

"Tích trù Động Đình uy trấn Hán

Phương lưu thanh sử lực phù Trưng".

(Tạm dịch ý: Từng trấn uy tại hồ Động Đình khiến quân Hán khiếp sợ / Danh thơm còn lưu trong sử sách, mãi phù trợ Hai Bà Trưng). (Dân Việt, Phụ nữ Việt Nam).

Năm 43, sau nhiều năm chuẩn bị, tướng nhà Hán là Mã Viện kéo đại quân sang đàn áp phong trào khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Những trận ác chiến ở Lãng Bạc và Cầu Khúc đã khiến lực lượng nghĩa quân hao mòn nghiêm trọng. Quân Hán với ưu thế về số lượng, vũ khí và kinh nghiệm chiến trận đã từng bước áp đảo, khiến cuộc khởi nghĩa rơi vào thế bất lợi.

Theo Đại Việt sử ký toàn thư, khi thất bại, Hai Bà Trưng đã gieo mình xuống dòng Hát Giang để tuẫn tiết, giữ trọn khí tiết và để lại tấm gương sáng cho hậu thế.

Chính sử không ghi lại tường tận về nữ tướng Phật Nguyệt, nhưng thần tích dân gian kể rằng bà cùng các nữ tướng vẫn tiếp tục chiến đấu kiên cường. Khi tình thế không thể cứu vãn, bà cũng chọn cái chết oanh liệt để bảo toàn danh tiết,

khẳng định chí khí bất khuất của người phụ nữ Việt.

Nhiều ngôi đền thờ Phật Nguyệt hiện còn ở Phú Thọ và vùng Bắc Bộ. Nhân dân tôn kính bà không chỉ như một vị tướng của Hai Bà Trưng, mà còn như một thần bảo hộ, biểu tượng của tiết liệt và trung trinh trong tâm thức dân gian.

Góc nhìn Phật giáo - Bài học lịch sử và thông điệp hiện đại

Một số nhà nghiên cứu cho rằng điểm độc đáo trong hình tượng Phật Nguyệt là sự giao thoa giữa nữ anh hùng dân tộc và tư tưởng Phật giáo sơ kỳ.

+ Tên gọi "Phật Nguyệt" không chỉ là danh xưng mà còn mang ý nghĩa biểu tượng: "Phật" gợi nhắc ánh sáng trí tuệ, từ bi; "Nguyệt" tượng trưng cho sự viên mãn, thanh khiết, vĩnh hằng. Đây là sự kết hợp hài hòa giữa lý tưởng giải phóng dân tộc và giá trị tinh thần Phật giáo.

+ Hành động vị tha, cứu khổ: Trong suốt quá trình khởi nghĩa, bà luôn đặt sự bình yên của dân chúng làm mục tiêu tối thượng. Đó chính là biểu hiện của tinh thần "từ bi hỷ xả" trong Phật pháp.

+ Cái chết tuẫn tiết của bà không chỉ đơn thuần là hành động trung quân ái quốc, mà còn có thể được nhìn nhận như một hình thức "xả thân hộ pháp": dâng hiến đời mình cho lý tưởng chính nghĩa, để lại tấm gương sáng soi cho hậu thế.

Theo tinh thần Phật giáo, hạnh Bồ Tát được ca ngợi qua tinh thần dấn thân, hy sinh, cứu độ chúng sinh. Ở một mức độ nào đó, Phật Nguyệt chính là hiện thân sống động của hạnh Bồ Tát trong lịch sử Việt Nam buổi đầu Công nguyên.

Từ hình tượng nữ tướng Phật Nguyệt, chúng ta có thể rút ra nhiều bài học giá trị:

Tinh thần bình đẳng giới: Ngay từ thế kỷ I, phụ nữ Việt đã chứng minh khả năng lãnh đạo, trí dũng song toàn. Đây là minh chứng sớm cho tư tưởng "nam nữ bình quyền" mà Phật giáo khẳng định, đồng thời cũng phản ánh truyền thống trọng nữ trong văn hóa Việt.

Sự kết hợp giữa đạo và đời: Lý tưởng giải phóng dân tộc của bà không tách rời tinh thần nhân văn và từ bi của Phật pháp. Điều này cho thấy sức mạnh nội sinh của văn hóa dân tộc được nuôi dưỡng từ nền tảng tâm linh.

Tinh thần xả thân vì nghĩa lớn: Việc bà cùng các nữ tướng chọn cái chết để giữ trọn khí tiết là tấm gương sáng về hy sinh cao cả, nhắc nhở thế hệ hôm nay về trách nhiệm trước cộng đồng và Tổ quốc. *Thông điệp hiện đại:* Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, hình tượng Phật Nguyệt khích lệ giới trẻ gìn giữ bản sắc văn hóa, đồng thời nuôi dưỡng lý tưởng phụng sự cộng đồng trên nền tảng từ bi và trí tuệ.

Nữ tướng Phật Nguyệt là minh chứng đặc biệt cho sự giao thoa giữa lịch sử chống ngoại xâm và tinh thần Phật giáo trong buổi đầu Công nguyên. Hình tượng của bà không chỉ khẳng định vai trò quan trọng của phụ nữ trong lịch sử dân tộc, mà còn mở ra cho hậu thế một thông điệp sâu xa:

+ Từ bi không đối lập với đấu tranh chính nghĩa.

+ Sự hy sinh của những anh hùng như Phật Nguyệt chính là ngọn đuốc soi sáng truyền thống độc lập, tự chủ và nhân bản của dân tộc Việt Nam.

Nhờ vậy, bà trở thành biểu tượng bền vững trong ký ức dân gian, đồng thời cũng là một "điểm nối" để chúng ta nhìn lại mối quan hệ giữa Phật giáo và lịch sử dân tộc, nơi tinh thần nhân ái hòa quyện cùng chí khí đấu tranh, làm nên bản sắc độc đáo của văn hóa Việt.

Tác giả: **Cư sĩ Chánh Thường**

Nguồn ảnh: Ảnh 1-7 (YouTube)

Ảnh Intro: Tạo bởi AI.

Tài liệu tham khảo:

1. Sử liệu chính thống

+ Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê (1993), Đại Việt sử ký toàn thư, bản dịch của Viện Sử học Việt Nam, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

+ Viện Sử học Việt Nam (2017), Lịch sử Việt Nam, tập 1, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

+ Trần Trọng Kim (2005), Việt Nam sử lược, Nxb. Văn học, Hà Nội.

2. Công trình biên khảo - nghiên cứu hiện đại

+ Nguyễn Khắc Thuần (2008), Khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Nxb. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh.

+ Nguyễn Khắc Thuần (2009), Danh tướng Việt Nam, Nxb. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh.

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (2012), Một số nhân vật phụ nữ lịch sử Việt Nam, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.

3. Nghiên cứu bổ trợ - bối cảnh tư tưởng, tín ngưỡng

+ Nguyễn Lang (2000), Việt Nam Phật giáo sử luận, tập I, Nxb. Văn học.

+ Tạp chí Nghiên cứu Phật học, các công trình liên quan đến lịch sử Phật giáo Việt Nam và mối quan hệ với tiến trình dựng nước, giữ nước.

4. Nguồn tham khảo khác

+ Đinh Văn Niêm (1995), Hai Bà Trưng và cuộc khởi nghĩa chống Hán, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

+ Trần Quốc Vượng (2002), Việt Nam - Cái nhìn địa - văn hóa, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.